TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ -ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2020.
V/v: Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn; Ông Nguyễn Tùng Sơn.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX - ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1982, (Có mặt).

HKTT: Số nhà 46 đường S, thị trấn R, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1988, (Có mặt).

HKTT: Thôn S, xã T, huyện V, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Số nhà 23 đường D, Thị trấn R, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ N trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị N ngày 26/4/2013. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng bố mẹ anh, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N mâu thuẫn với những người trong gia đình anh. Khoảng năm 2015, chị N chuyển về Hà Nội sống với bố mẹ đẻ, sau đó vợ chồng hòa hợp và sinh thêm cháu Thùy D. Sau khi chị N sinh con, mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, không có tiếng nói chung, anh và chị N sống

ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, từ tháng 6/2020 chị N thuê nhà ở cùng hai con tại Thị trấn Gia Bình, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị N đã nhiều lần gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án sau đó lại rút đơn về. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã lâu và đã rất nhiều lần sống ly thân, không thể hòa hợp được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Tùng L, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14/3/2015. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị N. Vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cháu Nguyễn Vũ Tùng L. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện anh công tác tại R huyện Gia Bình, anh có đủ điều kiện về vật chất và thời gian để chăm sóc tốt cho cháu.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về án phí: Đề nghị theo quy định pháp luật.

Phía bị đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị xác định quan hệ hôn nhân như anh N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị sống tại nhà anh N được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn với những người trong gia đình anh N. Khoảng năm 2015 chị chuyển về Hà Nội sống với bố mẹ chị, sau đó vợ chồng lại hòa hợp và sinh thêm cháu Thùy D. Năm 2015, anh N thường xuyên đánh đập chị, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ tháng 6/2020 chị chuyển ra ngoài thuê nhà ở cùng hai con, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay xác định vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, không còn tình cảm, anh N có đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Tùng L, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14/3/2015 như anh N trình bày là đúng. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị, vợ chồng ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu Tùng L và cháu Thùy D. Anh N công tác tại Trung tâm Y tế huyện, thường xuyên đi trực và phải ngủ lại cơ quan nên không thể có điều kiện để chăm sóc tốt cho con, hơn nữa khi chị và các con chuyển ra ngoài sinh sống, anh N, mẹ anh N và chị gái anh N còn ra tận nơi chị thuê nhà để đánh chị, việc này ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý và sự phát triển của các cháu nên chị không đồng ý để anh N nuôi cháu Tùng L. Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị công tác tại Công ty ở Hà Nội nhưng làm tại nhà không bị gò bó về thời gian, mức thu nhập của chị khoảng 23 triệu/1tháng nên chị có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các cháu.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về án phí: Theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Vũ N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Về con chung: Anh xác định chị N không có nhà cửa ổn định, nếu nuôi cả hai con thì chị N về ở với mẹ đẻ ở Hà Nội nhà sẽ rất chật chội, chị N không có nhiều thời gian, điều kiện để chăm sóc tốt cho con nên anh không đồng ý với yêu cầu xin nuôi cả hai con của chị N. Ý kiến chị Lê Thị N cho rằng anh N thường xuyên phải đi trực, không thể có thời gian để chăm sóc tốt cho các cháu. Chị xác định có nhiều thời gian và điều kiện kinh tế để chăm sóc tốt cho con hơn anh N, hơn nữa từ khi chị ra ở riêng, anh N không đến thăm con, cháu L cháu bị hạn chế về mặt giao tiếp, nhưng qua quá trình giáo dục và dạy dỗ, phối kết hợp giữa chị và nhà trường nên cháu đã phát triển tốt hơn. Do vậy chị không đồng ý để anh N nuôi cháu Tùng L.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Lê Thị N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Tùng L cho anh N nuôi dưỡng, chị N nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy D. Cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ N kết hôn với chị Lê Thị N ngày 26/4/2013. Trước khi kết hôn anh N và chị N đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh N và chị N luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh N có đơn xin ly hôn chị N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chị N

đồng ý, do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Vũ N và chị Lê Thị N.

[2]Về con chung: Vợ chồng anh N và chị N có 02 con chung là Nguyễn Vũ Tùng L và cháu Nguyễn Thị Thùy D. Trong các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ N xin được nuôi cháu Tùng L và để chị N nuôi cháu Thùy D. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu Tùng L và cháu Thùy D. Cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Trong bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa, cháu Tùng L có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy các cháu L và D đều còn nhỏ, rất cần sự quan tâm của cả bố và mẹ. Anh N và chị N ly hôn nhưng anh chị đều tha thiết và có nguyện vọng và đủ điều kiện được chăm sóc các cháu, nhưng để đảm bảo cuộc sống cũng như sự ổn định của các cháu, cháu Thùy D là con gái, rất cần sự chăm sóc của mẹ, đối với cháu Tùng L, cả anh N và chị N đều xác định cháu L có hạn chế trong việc giao tiếp, yếu thanh quản, anh N công tác trong ngành y tế nên sẽ có điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu L, hơn nữa cháu L là con trai, ở với bố cũng sẽ tốt hơn trong việc phát triển tâm sinh lý của cháu sau này. Do vậy cần giao cháu Thùy D cho chị N và giao cháu Tùng L cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Vũ N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Tùng L, sinh ngày 09/11/2013 cho anh Nguyễn Vũ N nuôi dưỡng. Chị Lê Thị N nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14/3/2015. Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Hai bên được đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Vũ N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh Nguyễn Vũ N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2015/0001919 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình ;
- UBND thị trấn Gia Bình;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương